

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05 (Năm)** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; **04 (Bốn)** thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

Sửa đổi, bổ sung: 05 (Năm) thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/6/2025.

2. Thủ tục hành chính cấp huyện

Bãi bỏ: 04 (Bốn) thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/6/2025.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố tại các số thứ tự 1, 3, 4, 5, 6 Mục I; các số thứ tự 1, 2, 3, 4 Mục II tại phần I Danh mục thủ tục hành chính và nội dung cụ thể tương ứng của từng TTHC tại phần II, ban hành kèm theo Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao Giám đốc Sở chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- UBND tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, P.KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG							
I. CẤP TỈNH							
1	1.010733.000.00.00.H61	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	- Thẩm định thông qua hội đồng thẩm định: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Phê duyệt: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Thực hiện theo: - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. - Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 của HĐND tỉnh Bến Tre Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
					trên địa bàn tỉnh Bến Tre. - Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - <i>Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP.</i> - <i>Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP.</i> - <i>Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.</i>	
2	1.010727.000.00.00.H61	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	- Thẩm định, cấp giấy phép: 20-30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Xem xét cấp Giấy	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long	Thực hiện theo: - Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
			phép: 05-15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Bến Tre Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre. - Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày	CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - <i>Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP.</i> - <i>Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Khoản 6, Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Khoản 1, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.</i>	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
					09/12/2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.		
3	1.010728.000.00.00.H61	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP. - Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 6, Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 26 Nghị	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
						<i>định 131/2025/NĐ-CP; - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.</i>	
4	1.010729.000 .00.00.H61	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Thực hiện theo - Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Bến Tre Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre. - Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh Quy định các loại phí	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP. - Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 6, Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
					thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.		
5	1.010730.000.00.00.H61	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Thực hiện theo - Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Bến Tre Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
					thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre. - Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Trà Vinh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên	BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP. - Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 6, Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Khoản 2, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Phê duyệt quy trình nội bộ
					địa bàn tỉnh Trà Vinh.		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (CẤP HUYỆN)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	1.010723.000.00.00.H61	Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.
2	1.010724.000.00.00.H61	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Huyện)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.
3	1.010725.000.00.00.H61	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.
4	1.010726.000.00.00.H61	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Huyện)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.